

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 205/2026/HNGĐ-ST

Ngày 21-5-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thành

Ông Phan Á

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hương Ly – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 25/12/1998; Căn cước số: 052....; nơi thường trú: Tổ dân phố K, phường H, tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh Gia Lai). (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình L, sinh ngày 10/7/1997; Căn cước công dân số: 052....; nơi thường trú: Khu phố T, phường B, tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh Gia Lai). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà V trình bày: Bà và ông L đăng ký kết hôn ngày 11/7/2017 (Giấy chứng nhận kết hôn số 90) tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh Gia Lai). Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn thường xuyên, ông L hay ghen tuông, đánh đập bà. Vợ chồng đã không còn chung sống từ đầu năm 2025 đến nay. Vợ chồng không thể hàn gắn được nên nay bà V yêu cầu ly hôn ông L. Về con

chung: Có ba con chung gồm cháu **Nguyễn Kỳ P**, sinh ngày 11/12/2017; cháu **Nguyễn Tấn P1**, sinh ngày 07/01/2022; cháu **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 13/6/2023 hiện do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà **V** yêu cầu nuôi ba con chung và yêu cầu ông **L** cấp dưỡng cho ba con mỗi tháng 5.000.000 đồng cụ thể cấp dưỡng cho cháu **P** 1.000.000 đồng/tháng, cho cháu **P1**, cháu **T** mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Yêu cầu cấp dưỡng từ tháng 6/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà **V** không yêu cầu giải quyết về tài sản.

- *Tại phiên tòa, bị đơn ông L trình bày:* Ông và bà **V** đăng ký kết hôn ngày 11/7/2017 (Giấy chứng nhận kết hôn số 90) tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh Gia Lai) là đúng. Vì bà **V** ngoại tỉnh nên vợ chồng có mâu thuẫn. Từ tháng 02/2025, ông vào S làm ăn nên vợ chồng không còn chung sống với nhau. Ông mong muốn hàn gắn để chung sống nhưng bà **V** không đồng ý và cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Ông và bà **V** có ba con chung là cháu **Nguyễn Kỳ P**, sinh ngày 11/12/2017; cháu **Nguyễn Tấn P1**, sinh ngày 07/01/2022; cháu **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 13/6/2023 hiện do bà **V** và ông bà ngoại chăm sóc. Khi ly hôn, ông **L** yêu cầu nuôi ba con chung và không yêu cầu bà **V** cấp dưỡng cho con. Hiện ông đang làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, công việc ổn định, thu nhập 18.000.000 đồng/tháng, nếu được nuôi con ông sẽ gửi ông bà nội chăm sóc, hàng tháng gửi tiền về nuôi con và về thăm con thường xuyên. Ông không đồng ý với mức cấp dưỡng mà bà **V** yêu cầu. Ông không yêu cầu giải quyết về tài sản.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định. Vụ án đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà **V** được ly hôn ông **L**; giao ba con chung cho bà **V** trực tiếp nuôi dưỡng; buộc ông **L** cấp dưỡng cho cháu **P** 1.000.000 đồng/tháng, cho cháu **T**, cháu **P1** mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không có yêu cầu về tài sản. Bà **V**, ông **L** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà **V** yêu cầu ly hôn ông **L**, yêu cầu giải quyết về con chung nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường B, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về hôn nhân: Bà **V** và ông **L** đã không còn chung sống với nhau, không quan tâm gì đến nhau. Ông **L** muốn đoàn tụ chung sống nhưng không có biện

pháp nào để hàn gắn tình cảm, bà **V** cũng không đồng ý đoàn tụ và giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Có thể thấy, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà **V** yêu cầu ly hôn thì ông **L** đồng ý, đây là sự thuận tình ly hôn của các bên nên được công nhận.

[3] Về con chung: Ông **L** yêu cầu nuôi con nhưng đang làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, nếu được giao nuôi dưỡng các con ông cũng sẽ gửi cho ông bà nội chăm sóc. Bà **V** hiện đang sinh sống làm việc tại địa phương, có công việc và thu nhập ổn định, thường xuyên chăm sóc, quan tâm các con. Như vậy, việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông **L** không đảm bảo về điều kiện chăm sóc, giáo dục các con bằng bà **V**. Cháu **P**, cháu **P1**, cháu **T** hiện đang do bà **V** nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định. Cháu **P** có nguyện vọng được ở cùng mẹ, cháu **T** dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho mẹ nuôi dưỡng, cháu **P1** thời gian qua đã chung sống cùng mẹ và anh, em. Để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các cháu, đảm bảo sự phát triển mọi mặt cho các cháu cần chấp nhận yêu cầu của bà **V**, giao cháu **P**, cháu **P1**, cháu **T** cho bà **V** nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng cho con:

[4.1] Theo quy định tại các điều 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên không sống chung với mình khi ly hôn. Các cháu **P**, cháu **P1**, cháu **T** được giao cho bà **V** nuôi dưỡng, ông **L** không trực tiếp nuôi dưỡng con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng để đảm bảo các nhu cầu thiết yếu cho sự phát triển của con. Ông **L** có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện cấp dưỡng cho con. Bà **V** yêu cầu ông **L** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là có căn cứ pháp luật nên yêu cầu này được chấp nhận.

[4.2] Hai bên không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng nên mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng. Mức cấp dưỡng bà **V** yêu cầu đối với cháu **P** thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng nhưng đây là sự tự nguyện của bà **V**, phù hợp với thực tế, đảm bảo được một phần chi phí thiết yếu cho cháu **P**. Mức cấp dưỡng yêu cầu cho cháu **P1**, cháu **T** là phù hợp nhu cầu của các cháu và thu nhập thực tế của ông **L**. Sự tự nguyện này của bà **V** không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc ông **L** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu **P** mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho cháu **P1**, cháu **T** mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[4.3] Về thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà **V** tự nguyện yêu cầu cấp dưỡng từ tháng 6/2026 là phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận, buộc ông **L** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con từ ngày 01/6/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản: Không có yêu cầu nên không xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Tại phiên tòa, bà **V** và ông **L** thuận tình ly hôn nên theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 100% mức án phí quy định đối với yêu cầu ly hôn, bà **V** và ông **L** mỗi bên phải

chịu 50% mức án phí quy định là 150.000 đồng. Ông **L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà **Nguyễn Thị Tường V** và ông **Nguyễn Đình L**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Kỳ P**, sinh ngày 11/12/2017; cháu **Nguyễn Tấn P1**, sinh ngày 07/01/2022; cháu **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 13/6/2023 cho bà **Nguyễn Thị Tường V** trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Nguyễn Thị Tường V**. Buộc ông **Nguyễn Đình L** phải cấp dưỡng cho cháu **Nguyễn Kỳ P**, sinh ngày 11/12/2017 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và cấp dưỡng cho cháu **Nguyễn Tấn Phát S** ngày 07/01/2022, cháu **Nguyễn Đức T** sinh ngày 13/6/2023 mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/6/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

5. Về tài sản: Không có yêu cầu.

6. Về án phí sơ thẩm và tạm ứng án phí:

6.1. Bà **Nguyễn Thị Tường V** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà **V** đã nộp 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003204 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai nên được khấu trừ, trả lại cho bà **V** số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

6.2. Ông **Nguyễn Đình L** phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

8.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng